

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-PT.

Ngày: 13 - 12 - 2022

V/v Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên.

Các Thẩm phán: Ông Bằng Công Hiệp và bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên:

Bà Lê Thị Hương Giang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2022/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 24/2022/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố S.C, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 22/2022/QĐXX-PT ngày 01 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị KA, sinh năm 1961. (Có mặt)

HKTT: TDP T.D, phường B.Q, TP S.C, Thái Nguyên

Tạm trú: Tổ 8, phường T.D, TP T, Thái Nguyên

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1956. (Có mặt)

Địa chỉ: TDP T.D, phường B.Q, TP S.C, Thái Nguyên

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Minh L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung vụ án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, nội dung kháng cáo, tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà KA và ông Nguyễn Minh L kết hôn năm 1984 có đăng ký tại UBND phường Hoàng Văn Thụ, khu phố Thái Nguyên, tỉnh Bắc Thái (nay là Thành phố T, tỉnh Thái Nguyên) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2000, nhưng vẫn sống chung một nhà. Năm 2010 bà KA đã nộp đơn ra Tòa án Thành phố T để giải quyết nhưng sau đó lại rút đơn để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung. Từ năm 2012 đến nay bà và ông L mỗi người ở một nơi không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay bà KA xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Minh Th, sinh năm 1984 (đã chết năm 2021); Nguyễn Minh T, sinh ngày 08/6/1988. Con chung Nguyễn Minh T đã trưởng thành có sức khỏe, có gia đình riêng tự lao động nuôi sống được bản thân.

Về tài sản chung: theo đơn khởi kiện và biên bản hòa giải, bà KA xác định tài sản chung gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 10, 10A, tờ bản đồ 51-II, diện tích 310m² (trong đó thửa đất 10A là đất ở 100m², thửa đất số 10 là đất trồng cây lâu năm không cùng thửa đất ở 210m²), đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 812159 do UBND thị xã S.C (nay là thành phố S.C) cấp ngày 18/10/2012 mang tên ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Thị KA, có địa chỉ tại TDP Dọc Dài, phường B.Q, Tp S.C, Thái Nguyên (hiện nay là TDP T.D, phường B.Q, TP S.C). Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích khoảng 100m², xây dựng năm 2012. Đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của vợ chồng theo quy định của pháp luật, mỗi người một nửa. Bà yêu cầu được quản lý sử dụng nhà đất, trích chia cho ông L bằng giá trị. Do hiện nay bà không có chỗ ở, hiện bà đang ở cùng con dâu ở tổ 8, phường T.D, thành phố T.

Sau đó bà KA có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ đề nghị giải quyết quyền sử dụng đất tại thửa đất 10, 10A, tờ bản đồ 51-II, diện tích 310m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hai vợ chồng.

Về nợ chung: Không có

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên toà, bị đơn ông Nguyễn Minh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị KA kết hôn năm 1984 có đăng ký tại UBND phường H.V.T, khu phố Thái Nguyên, tỉnh Bắc Thái (nay là Thành phố T, tỉnh Thái Nguyên) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung

sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân khoảng 20 năm mỗi người một nơi không còn qua lại chăm sóc nhau. Ông L xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là: Nguyễn Minh Th, sinh năm 1984 (đã chết); Nguyễn Minh T, sinh ngày 08/6/1988. Con trai Nguyễn Minh T đã trưởng thành có đủ sức khỏe để tự nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông L xác định giữa ông và bà KA không có tài sản chung. Nhà và đất tại Tổ dân phố T.D, phường B.Q, thành phố S.C đều là của ông. Thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Minh L và Nguyễn Thị KA là do ông không hiểu biết, nghĩ vẫn là vợ chồng nên để bà KA cùng đứng tên. Trên đất có nhà 01 nhà cấp 4 xây dựng năm 2012 cũng là tài sản riêng của ông L, ông tự bỏ tiền ra xây với số tiền khoảng 500.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ông L đồng ý chia tài sản là nhà đất cho bà KA vì tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hai ông bà. Ông đề nghị được quản lý, sử dụng nhà và đất vì hiện nay ông đang ở đây và trích chia cho bà KA giá trị bằng tiền theo kết quả của Hội đồng định giá.

Ông L không đồng ý với kết quả trích đo hiện trạng của Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ tài nguyên- môi trường và xây dựng số 6 vì vị trí đất không đúng với hiện trạng ông đang quản lý, sử dụng.

Về nợ chung: Không có

Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của các đương sự, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá và đo đạc với tài sản đang có tranh chấp. Yêu cầu Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 812159 do UBND thị xã S.C (nay là thành phố S.C) cấp ngày 18/10/2012 mang tên ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Thị KA, có địa chỉ tại TDP Dọc Dài, phường B.Q, Tp S.C, Thái Nguyên (hiện nay là TDP T.D, phường B.Q, TP S.C).

Trong thời gian tạm ngừng phiên tòa, Tòa án đã có văn bản đề nghị Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh thành phố S.C cử người tham gia tố tụng trong vụ án và cung cấp cho Tòa án các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và bảng kê dư nợ của ông Nguyễn Minh L tại Ngân hàng đến thời điểm hiện tại.

Ngày 16/9/2022 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh thành phố S.C đã có văn bản số 362/NHNo.So-KHKD xác định gia đình ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Thị KA đã tất toán toàn bộ nợ gốc và lãi

vào ngày 15/9/2022 và rút tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 812159 do UBND thị xã S.C (nay là thành phố S.C) cấp ngày 18/10/2012 mang tên ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Thị KA, ông L và bà KA không còn dư nợ tại Ngân hàng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay ông L đang giữ.

Tại bản án số 24/2022/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố S.C, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 55, 57, 59, 62 Luật hôn nhân gia đình năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị KA, cho bà KA được ly hôn ông Nguyễn Minh L.

2. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Minh Th, sinh năm 1984 (đã chết); Nguyễn Minh T, sinh ngày 08/6/1988. Con trai Nguyễn Minh T đã trưởng thành có đủ sức khỏe để tự nuôi sống bản thân. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung:

3.1. Giao cho ông Nguyễn Minh L được quản lý sử dụng 50m² đất ở tại thửa số 10A, tờ bản đồ 51-II, phường B.Q, thành phố S.C, là đoạn nối các điểm A, A1, G1, G, A trên bản trích đo hiện trạng của Công ty Cổ phần tư vấn dịch vụ tài nguyên- môi trường và xây dựng số 6 (gửi kèm theo bản án).

Giao cho bà Nguyễn Thị KA được quản lý sử dụng 50m² đất ở tại thửa số 10A, là đoạn nối các điểm A1, B, F, G1 và 210m² đất trồng cây lâu năm tại thửa số 10, tờ bản đồ 51-II, phường B.Q, thành phố S.C là đoạn nối các điểm B, C, D, E, F, B trên bản trích đo hiện trạng của Công ty Cổ phần tư vấn dịch vụ tài nguyên- môi trường và xây dựng số 6 (gửi kèm theo bản án).

3.2. Bà KA có trách nhiệm trích chia cho ông L số tiền là 27.350.000 đồng (hai mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng)

3.3. Ông L được hưởng số tiền 27.350.000 đồng (hai mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng) do bà KA trích chia.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.4. Ông Nguyễn Minh L có trách nhiệm xuất trình Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 812159 do UBND thị xã S.C (nay là thành phố S.C) cấp ngày 18/10/2012 mang tên ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Thị KA; phối hợp cùng với bà KA liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/9/2022 ông Nguyễn Minh L có đơn kháng cáo đối với phần chia tài sản chung của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố S.C, ông L không đồng ý chia cho bà Nguyễn Thị KA tài sản (kể cả bằng tiền).

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giải quyết phần chia tài sản chung. Trong đó, các đương sự thống nhất đảo ngược lại phần chia tài sản là đất mà cấp sơ thẩm đã giao từng người.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKS phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội:

Sửa bản án sơ thẩm số 24/ 2022/HNGĐ- ST ngày 20/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố S.C, tỉnh Thái Nguyên. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án.

Ông L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng dân sự: Đơn kháng cáo của của ông Nguyễn Minh L làm trong hạn luật định, do thuộc người cao tuổi được miễn án phí do đó kháng cáo của ông L là hợp lệ và được thụ lý và đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể:

Bà Nguyễn Thị KA nhận và quản lý sử dụng 50m² đất ở tại thửa số 10A, tờ bản đồ 51-II, phường B.Q, thành phố S.C, là đoạn nối các điểm A, A1, G1, G, A trên bản trích đo hiện trạng của Công ty Cổ phần tư vấn dịch vụ tài nguyên- môi trường và xây dựng số 6 (Gửi kèm theo bản án).

Ông Nguyễn Minh L nhận và quản lý sử dụng 50m² đất ở tại thửa số 10A, là đoạn nối các điểm A1, B, F, G1 và 210m² đất trồng cây lâu năm tại thửa số 10, tờ bản đồ 51-II, phường B.Q, thành phố S.C là đoạn nối các điểm B, C, D, E, F, B trên bản trích đo hiện trạng của Công ty Cổ phần tư vấn dịch vụ tài nguyên- môi trường và xây dựng số 6 (gửi kèm theo bản án).

Ông Nguyễn Minh L có trách nhiệm trích chia cho bà Nguyễn Thị KA số tiền là 27.350.000 đồng (hai mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị KA được hưởng số tiền 27.350.000 đồng (hai mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng) do bà KA trích chia.

Xét sự thỏa thuận đó là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như nêu trên, theo quy định tại khoản 1 Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về trách nhiệm của các đương sự: Ông Nguyễn Minh L có trách nhiệm xuất trình Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 812159 do UBND thị xã S.C (nay là thành phố S.C) cấp ngày 18/10/2012 mang tên ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Thị KA; phối hợp cùng với bà Nguyễn Thị KA liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án.

[4]. Đối với phần diện tích nhà và sân là 104,93m² được xây dựng trên đất ở tại thửa số 10A, tờ bản đồ 51-II, phường B.Q, thành phố S.C, là đoạn nối các điểm A, A1, G1, G, A trên bản trích đo hiện trạng của Công ty Cổ phần tư vấn dịch vụ tài nguyên- môi trường và xây dựng số 6. Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đã thống nhất giao cho bà Nguyễn Thị KA quản lý sử dụng và không yêu cầu Tòa án giải quyết phần giá trị tài sản trên đất. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[5]. Về biện pháp đảm bảo việc thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình:

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị KA và ông Nguyễn Minh L là người cao tuổi được miễn án phí dân sự sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định.

- Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo và ông Nguyễn Minh L thuộc trường hợp là người cao tuổi được miễn án phí dân sự sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định.

[7]. Xét, ý kiến phát biểu, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật, nên cần được chấp nhận.

[8]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Áp dụng khoản 1 Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự; Các Điều 33, 37, 59 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án sơ thẩm số 24/2022/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố S.C, tỉnh Thái Nguyên; Công nhận sự thỏa thuận các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị KA, cho bà KA được ly hôn ông Nguyễn Minh L.

2. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Minh Th, sinh năm 1984 (đã chết); Nguyễn Minh T, sinh ngày 08/6/1988. Con trai Nguyễn Minh T đã trưởng thành có đủ sức khỏe để tự nuôi sống bản thân. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự về việc chia tài sản chung theo hiện trạng sử dụng đất, đã được đo vẽ, cụ thể như sau:

3.1. Bà Nguyễn Thị KA nhận và quản lý sử dụng **50 m²** đất ở tại thửa số 10A, tờ bản đồ 51-II, phường B.Q, thành phố S.C, là đoạn nối các điểm A, A1, G1, G, A trên bản trích đo hiện trạng của Công ty Cổ phần tư vấn dịch vụ tài nguyên- môi trường và xây dựng số 6 (Gửi kèm theo bản án).

3.2. Ông Nguyễn Minh L nhận và quản lý sử dụng **50 m²** đất ở tại thửa số 10A, là đoạn nối các điểm A1, B, F, G1 và **210m²** đất trồng cây lâu năm tại thửa số 10, tờ bản đồ 51-II, phường B.Q, thành phố S.C là đoạn nối các điểm B, C, D, E,

F, B trên bản trích đo hiện trạng của Công ty Cổ phần tư vấn dịch vụ tài nguyên- môi trường và xây dựng số 6 (gửi kèm theo bản án).

3.3. Ông Nguyễn Minh L có trách nhiệm trích chia cho bà Nguyễn Thị KA số tiền là 27.350.000 đồng (Hai mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).

3.4. Bà Nguyễn Thị KA được hưởng số tiền 27.350.000 đồng (hai mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng) do bà KA trích chia.

4. Đối với phần diện tích nhà và sân là 104,93m² được xây dựng trên đất ở tại thửa số 10A, tờ bản đồ 51-II, phường B.Q, thành phố S.C, là đoạn nối các điểm A, A1, G1, G, A trên bản trích đo hiện trạng của Công ty Cổ phần tư vấn dịch vụ tài nguyên- môi trường và xây dựng số 6. Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đã thống nhất giao cho bà Nguyễn Thị KA quản lý sử dụng và không yêu cầu Tòa án giải quyết phân giá trị tài sản trên đất. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết.

5. Về trách nhiệm của các đương sự: Ông Nguyễn Minh L có trách nhiệm xuất trình Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 812159 do UBND thị xã S.C (nay là thành phố S.C) cấp ngày 18/10/2012 mang tên ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Thị KA; phối hợp cùng với bà Nguyễn Thị KA liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án.

6. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

7. Về án phí hôn nhân và gia đình:

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị KA và ông Nguyễn Minh L là người cao tuổi được miễn án phí dân sự sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định.

Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Ông Nguyễn Minh L là người cao tuổi được miễn án phí dân sự sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định.

8. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP. S.C;
- Chi cục THADS TP. S.C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ích Yên